

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

ĐẾN Số: 3461
Ngày: 22/10

Chuyên:

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hiện đại hóa hệ thống thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 12/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng Đồng bằng sông Cửu Long”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 511/TTr-SNN ngày 24/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hiện đại hóa hệ thống thủy lợi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh; Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN & PTNT;
- TT: TU, TT HĐND,
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- BLĐVP UBND tỉnh;
- Các phòng: CNXD, KT;
- Lưu: VT, NN. 04

.12429.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
(Kèm theo Quyết định số 3511/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm xây dựng Kế hoạch

a) Hiện đại hoá hệ thống thủy lợi làm cơ sở cơ cấu lại nông nghiệp của tỉnh theo hướng phát triển bền vững: Chuyển đổi cơ cấu sản xuất, phát triển nông nghiệp đa dạng (thủy sản - cây ăn quả - lúa), sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch đáp ứng nhu cầu của thị trường.

b) Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi trên cơ sở tôn trọng quy luật tự nhiên, lựa chọn mô hình thích ứng theo tự nhiên, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

c) Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; quy hoạch thủy lợi và phòng chống thiên tai và các quy hoạch khác có liên quan.

d) Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi cả về công trình và phi công trình, hoàn thiện hệ thống thủy lợi, kết hợp với hiện đại hoá công tác quản lý, ứng dụng công nghệ trong theo dõi, vận hành nhằm phát huy hiệu quả công trình, đảm bảo phục vụ các đối tượng sử dụng nước.

2. Mục tiêu của Kế hoạch

a) Mục tiêu tổng quát: Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi nhằm phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất, phát triển nông nghiệp gắn với phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới; chủ động kiểm soát nguồn nước phục vụ sản xuất, dân sinh, phòng, chống thiên tai (hạn hán, xâm nhập mặn, ngập úng), bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025: Tập trung kiện toàn, thành lập các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo đúng quy định của Luật Thủy lợi năm 2017 (tách chức năng, nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi ra ngoài chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước); đầu tư xây dựng một số công trình thủy lợi trọng điểm để kiểm soát mặn, nguồn nước, chuyển nước phục vụ sản xuất, dân sinh theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đến năm 2030: Phát triển hệ thống thủy lợi đồng bộ, từng bước hiện đại, thông minh, bảo đảm chủ động phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh trong điều

kiện nguồn nước không xuất hiện tình trạng cực đoan, đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp đa dạng, bền vững tại các tiểu vùng sinh thái.

- Đến năm 2050: Hoàn thiện hệ thống thủy lợi hiện đại, thông minh, bảo đảm chủ động phục vụ chuyển đổi, đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp và dân sinh tại các tiểu vùng sinh thái, từng bước tự động hóa vận hành; chủ động phòng, chống thiên tai, như: hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập úng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đến năm 2100: Hệ thống thủy lợi được tự động hóa vận hành, bảo đảm an toàn trước thiên tai, phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hoá chất lượng cao.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

a) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối với cơ sở dữ liệu liên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia, đáp ứng điều kiện ứng dụng công nghệ tiên tiến để hiện đại hóa công tác quản lý, khai thác hệ thống thủy lợi và phục vụ xây dựng các kịch bản phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập úng.

b) Hoàn thiện tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi; xác định rõ chủ thể, phân định rõ trách nhiệm quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi, đáp ứng quy định của pháp luật.

c) Hoàn thiện hệ thống thủy lợi, bảo đảm đồng bộ, an toàn, chống chịu được tác động của thiên tai, đảm bảo khả năng kiểm soát nguồn nước (nhất là mặn, ngọt), chất lượng nước liên vùng, chủ động điều hòa, phân phối nguồn nước hợp lý cho các đối tượng sử dụng nước, thích ứng với biến đổi khí hậu; phòng, chống thiên tai, nhất là xâm nhập mặn, ngập úng.

d) Hiện đại hóa công tác quan trắc, dự báo nguồn nước, quản lý, vận hành hiệu quả công trình thủy lợi phục vụ phát triển sản xuất, nhất là nông nghiệp, dân sinh, hạn chế thiệt hại do thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

đ) Xác định ranh giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định pháp luật; bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

e) Ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, phù hợp để hiện đại hóa hệ thống thủy lợi của tỉnh. Tăng cường liên kết, chia sẻ thông tin giữa các ngành, các tỉnh, thành trong khu vực nhằm quản lý bền vững tài nguyên nước trên lưu vực và tăng hiệu quả hoạt động của các công trình thủy lợi.

g) Đẩy mạnh công tác truyền thông, kịp thời truyền tải thông tin khí tượng, thủy văn, nguồn nước, bảo vệ công trình thủy lợi, ảnh hưởng của thiên tai đến cấp huyện, xã, người dân và đơn vị liên quan.

2. Giải pháp

a) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức điều tra, khảo sát hiện trạng hạ tầng các hệ thống thủy lợi phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối cơ sở dữ liệu liên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm cung cấp đầy đủ tài liệu cần thiết phục vụ nghiên cứu, đánh giá, tính toán các nội dung thực hiện Kế hoạch và quản lý, khai thác, vận hành theo yêu cầu hiện đại hóa hệ thống thủy lợi.

b) Hoàn thiện tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi:

- Kiện toàn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý khai thác các công trình thủy lợi trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thành lập các tổ chức thủy lợi cơ sở để quản lý, khai thác các công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi; không giao nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi cho các cơ quan quản lý nhà nước.

- Thực hiện phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Hoàn thiện hệ thống thủy lợi

- Cải tạo, thay thế cửa đóng mở tự động cưỡng bức (01 cửa/công) tại các công đầu mối: Mỹ Văn, Rạch Rum; Các công: Bà Trâm, Điệp Thạch, Nhà Thờ, Ngãi Hòa, Ngãi Hiệp, Rạch Kinh phía sông Cổ Chiên và các công: Hàm Giang, Trà Cú, La Bang, Bắc Trang phía sông Hậu.

- Rà soát lại hệ thống đê bao, bờ bao nội đồng hiện có, bảo đảm chủ động kiểm soát triều, xâm nhập mặn, ngập úng; củng cố, nâng cấp hệ thống đê bao, bờ bao hiện có phù hợp với định hướng phát triển sản xuất theo Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 324/QĐ-TTg ngày 02/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Đầu tư nâng cấp hệ thống đê đạt cao trình +3,5 m, bờ bao nội đồng đạt cao trình +2,5 m phù hợp quy hoạch thủy lợi, đê bao, bờ bao và các quy hoạch khác có liên quan đã được phê duyệt.

- Rà soát, đầu tư xây dựng bổ sung các công dưới đê bao, bờ bao, trạm bơm, các công đầu kênh, tách riêng kênh cấp nước, kênh tiêu nước bảo đảm phục vụ nuôi trồng thủy sản; nạo vét hệ thống kênh, rạch bảo đảm vận hành đúng năng lực thiết kế, chủ động tích trữ nước, dẫn nước tưới, tiêu theo Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 04/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 23/4/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án Quy hoạch hệ thống các trạm bơm điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2340/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Dự án Rà soát, bổ sung Quy hoạch thủy lợi tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và một số hạng mục công trình cấp bách ngoài quy hoạch.

- Sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới các công trình thủy lợi để khép kín các hệ thống thủy lợi hiện có nhằm chủ động kiểm soát mặn, ngọt, tiêu thoát nước, chuyển nước liên vùng theo Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống đê bao, bờ bao ven sông Cổ Chiên và Sông Hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2013 - 2020 và định hướng 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu - nước biển dâng.

d) Hiện đại hóa công tác quản lý, vận hành công trình

- Triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao năng lực quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước tại các tiểu vùng sinh thái; giám sát, dự báo chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi.

- Nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập úng, chất lượng nước để phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành, quản lý, khai thác và vận hành công trình thủy lợi.

- Xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành các hệ thống thủy lợi; xây dựng hệ thống giám sát vận hành công trình, từng bước tiến tới tự động hóa công tác quản lý, vận hành.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

đ) Bảo vệ công trình, chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi

- Hoàn thiện cấm mốc xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo Luật Thủy lợi năm 2017, tăng cường kiểm tra giám sát, xử lý kịp thời vi phạm.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 2007/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Xây dựng chương trình khoa học công nghệ, ứng dụng chuyển giao công nghệ phục vụ hiện đại hóa hệ thống thủy lợi.

g) Đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng các phóng sự chuyên đề phổ biến kinh nghiệm, kiến thức về việc phòng chống tác động của thiên tai như hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập úng; nâng cao nhận thức của người dân về việc bảo vệ công trình thủy lợi.

III. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Ngân sách Trung ương hỗ trợ: Sửa chữa, nâng cấp, đầu tư xây dựng công trình thủy lợi quan trọng, cấp bách theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách địa phương

a) Đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới công trình thủy lợi trên địa bàn.

b) Hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng bổ sung các cống, bọng, đê bao, bờ bao, trạm bơm, cống đầu kênh, tiếp nguồn nước, hạ tầng nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung.

c) Hiện đại hóa công tác quản lý, vận hành công trình thủy lợi do địa phương quản lý.

d) Cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do địa phương quản lý.

đ) Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật và thực hiện chương trình khoa học công nghệ trong phạm vi trách nhiệm của địa phương.

3. Nguồn vốn xã hội hóa đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, hiện đại hóa các công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng, quản lý và đầu tư hệ thống đê bao, bờ bao, thủy lợi nội đồng theo quy định của pháp luật.

IV. GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

1. Các công việc thực hiện hằng năm: Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước. Giám sát, dự báo chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi. Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật. Ứng dụng khoa học công nghệ.

2. Từ nay đến năm 2025

a) Tiếp tục thực hiện các dự án trong giai đoạn theo quy hoạch, kế hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt; phối hợp tổ chức điều tra, khảo sát hiện trạng hạ tầng các hệ thống thủy lợi để phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

b) Phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành; nâng cấp công cụ dự báo xâm nhập mặn, nguồn nước, chất lượng nước; hoàn thiện tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Từng bước xây dựng hệ thống giám sát tự động độ mặn, nguồn nước, chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các cống có cửa van vận hành tự động vùng ảnh hưởng triều; nâng cấp đê, bờ bao cho vùng cây ăn trái; nâng cấp công trình cấp nước cho vùng nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung, quy mô lớn; cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi,...

3. Giai đoạn 2026 - 2030: Phối hợp duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu liên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia. Hoàn thiện hệ thống cấp nước phục vụ sản xuất cho vùng nuôi trồng thủy sản và vùng ngọt hóa; bổ sung, khép kín hệ thống thủy lợi; hoàn thiện hệ thống đê bao, bờ bao và công trình nội đồng; công trình kiểm soát, chuyển nước liên vùng.

4. Giai đoạn 2031 - 2050: Tiếp tục triển khai các chương trình, dự án nhằm phát huy hiệu quả từ các chương trình, dự án mang lại được thực hiện trong giai đoạn trước, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển nội tỉnh, tác động của biến đổi khí hậu và thượng nguồn; đầu tư tự động hóa vận hành các công trình thuộc các hệ thống thủy lợi khép kín, công trình kiểm soát mặn, ngọt, công trình chuyển nước liên vùng.

5. Sau năm 2050: Kế thừa, phát huy hiệu quả các kết quả đạt được từ các giai đoạn trước, tiếp tục hiện đại hóa hệ thống thủy lợi theo chiều sâu, bảo đảm phục vụ phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Tham mưu, đề xuất kiện toàn tổ chức, bộ máy để quản lý, khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi do tỉnh quản lý theo quy định của Luật Thủy lợi năm 2017 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

c) Phối hợp tổ chức điều tra, khảo sát hiện trạng hạ tầng thủy lợi, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối với cơ sở dữ liệu liên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia.

d) Xây dựng kế hoạch đầu tư, hoàn thiện hệ thống thủy lợi do tỉnh quản lý vào kế hoạch đầu tư các kỳ trung hạn, dài hạn, đồng thời lồng ghép vào các chương trình, dự án khác được thực hiện trên địa bàn tỉnh theo hướng kết hợp đồng bộ với hạ tầng giao thông và các hạ tầng kinh tế khác, tránh lãng phí.

đ) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện nhiệm vụ dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước tại các tiểu vùng sinh thái; giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi.

e) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải khi thực hiện các dự án nạo, vét trên các tuyến sông, kênh do Sở Giao thông vận tải được giao quản lý để thống nhất cấp kỹ thuật luồng đường thủy nội địa theo quy định.

g) Hàng năm chủ động phối hợp, hướng dẫn các địa phương bố trí cơ cấu sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện nguồn nước, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

h) Triển khai cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép cho các hoạt động xả thải vào hệ thống thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

i) Tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để hiện đại hóa hệ thống thủy lợi.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao năng lực quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn tỉnh; giám sát hệ thống khí tượng thủy văn chuyên ngành, phục vụ hiện đại hóa hệ thống thủy lợi. Chỉ đạo cung cấp kịp thời thông tin dự báo về khí tượng, thủy văn phục vụ vận hành hiệu quả công trình thủy lợi, phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập úng.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng, triển khai các chính sách khuyến khích, huy động nguồn lực để phát triển thủy lợi trên địa bàn tỉnh. Cân đối, bố trí nguồn vốn để tập trung đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi, đặc biệt các công trình phục vụ đa mục tiêu, kết hợp giao thông, thủy lợi, sử dụng hiệu quả nguồn nước, hạn chế tác động bất lợi do biến đổi khí hậu, các thiên tai liên quan đến nước theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước.

4. Sở Tài chính

Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan cân đối, bố trí nguồn lực để thực hiện Kế hoạch. Bố trí nguồn vốn thường xuyên hằng năm thực hiện các nhiệm vụ đặc thù về dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước; giám sát, dự báo chất lượng trong các hệ thống thủy lợi để phục vụ quản lý, vận hành công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ hiện đại hóa hệ thống thủy lợi. Tổ chức triển khai chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm, ưu tiên bố trí nguồn lực khoa học, công nghệ phục vụ công tác nghiên cứu, ứng dụng nhằm phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức của người dân về nguy cơ thiếu nước, xâm nhập mặn, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; chủ động triển khai các biện pháp phù hợp từng hộ gia đình để phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

7. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi

a) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc nâng cao năng lực, trình độ cán bộ quản lý, khai thác vận hành hệ thống công trình thủy lợi, theo quy định Luật Thủy lợi năm 2017, đào tạo bộ phận chuyên trách quản lý cơ sở dữ liệu.

b) Thực hiện quan trắc, giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi, đặc biệt tại các điểm tiếp nhận nguồn xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi để kiểm soát tình trạng ô nhiễm; giám sát thực hiện giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi được giao quản lý, đề xuất xử lý vi phạm kịp thời theo quy định.

c) Rà soát, phục hồi cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; phát hiện, có biện pháp ngăn chặn kịp thời và kiến nghị xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do đơn vị quản lý.

d) Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiện toàn tổ chức, bộ máy để quản lý, khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi do tỉnh quản lý theo quy định của Luật Thủy lợi năm 2017 và các quy định pháp luật khác có liên quan; rà soát điều chỉnh, bổ sung quy trình vận hành công trình thủy lợi có xét đến nhiệm vụ giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước, biến đổi khí hậu nước biển dâng.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác hiện đại hóa hệ thống thủy lợi thuộc quản lý của địa phương. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong hiện đại hóa công tác quản lý, vận hành công trình; cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, cấp phép cho các hoạt động xả thải vào hệ thống thủy lợi theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến để người dân trong địa phương nhận thức đầy đủ nguy cơ thiếu nước, xâm nhập mặn, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; chủ động triển khai các biện pháp phù hợp từng hộ gia đình để phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn. Vận động người dân tham gia kiểm tra, giám sát việc gây ô nhiễm nguồn nước, lấn chiếm hành lang, mốc chỉ giới bảo vệ công trình thủy lợi, kiến nghị cơ quan chuyên môn xử lý kịp thời.

c) Chỉ đạo tổ chức thành lập các tổ chức thủy lợi cơ sở (hợp tác xã, tổ hợp tác) để quản lý, khai thác các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

d) Bố trí cơ cấu sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện nguồn nước theo chỉ đạo, hướng dẫn của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, Ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.